

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/01/2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình – Xin ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Mươi;

Ông Lê Đình Thủ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 172/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 294/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 326A/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 33/2021/QĐST-DS, ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị N.T.H.H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Xã ML, HCL, ĐT.

Bị đơn: Anh V.T.B, sinh năm 1985. Địa chỉ: Xã ML, HCL, ĐT.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là luật sư Đ.V.V – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh Công ty luật TNHH Phát Việt, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Quận A, TP HCM.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị N.T.H.H trình bày: Chị H và anh B qua thời gian tìm hiểu nhau từ năm 2009, đến năm 2011 vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc. Tuy nhiên, càng sống chung thì đời sống vợ chồng không còn hòa hợp. Sau khi kết hôn được

02 năm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, như chồng không có lập trường tư tưởng vững vàng (hay thay đổi công việc làm, không bàn bạc trao đổi với vợ về mọi vấn đề trong công việc gia đình), vì không trao đổi với vợ cho nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách; anh B không chăm lo việc nhà (không phụ giúp vợ công việc nhà và con cái trong gia đình trong thời gian không có việc làm, trong khi chị H phải lo đi làm để trang trải cuộc sống trong gia đình); anh B không quan tâm kinh tế gia đình (khi đi làm có tiền thì không đem về cho gia đình). Vợ chồng rất ít nói chuyện với nhau, hay cự cãi, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị H và gia đình đã khuyên can anh B nhiều lần, nhưng không được. Chị H và anh B đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Xuân Nghiêm, sinh ngày 07/6/2012. Hiện tại con chung đang sống chung với chị Ngô Thị Hồng H, khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung như sau:

+ 01 phần đất có diện tích 4.189m² thuộc thửa 842, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh do hộ anh B đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ 01 căn nhà trên đất, diện tích khi mua 40m² và được sửa chữa mở rộng thêm khoảng 36m².

Khi ly hôn chị H yêu cầu chia đôi tài sản nêu trên. Nay chị H xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Anh V.T.B trình bày:

Anh B thống nhất là chị H và anh B qua thời gian tìm hiểu nhau từ năm 2009, đến năm 2011 thì vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, vợ chồng ít nói chuyện với nhau do công việc của chị H chỉ gặp mặt chị H vào buổi sáng, buổi chiều và buổi tối; vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn; chị H nói anh B không phát triển kinh tế là không đúng vì anh B giữ con nên không có đi làm toàn thời gian cố định. Trong thời gian chị H đi làm thì anh B ở nhà chăm sóc con và gia đình, thời gian rảnh anh B có đi làm thêm để kiếm thêm thu nhập, nhưng thu nhập không ổn định. Đối với yêu cầu ly hôn của chị H thì anh B không đồng ý, do anh B còn tH vợ con nên anh B không đồng ý ly hôn. Hướng khắc phục của anh B thì trong thời gian tới thì anh B sẽ xin việc làm để tăng thu nhập gia đình (hiện tại do dịch Covid nên anh B không thể xin thêm công việc bên ngoài được), anh B sẽ trao đổi công việc với chị H nhiều hơn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại nguồn thu nhập của anh B là do anh B phụ giúp làm vườn cho cha mẹ anh B và cha mẹ anh B trả công cho anh B 3.000.000đ/tháng và tiền trông coi vườn 1.000.000đ/tháng, khi nào cần số tiền lớn thì anh B xin từ cha mẹ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Xuân Nghiêm, sinh ngày 07/6/2012. Hiện tại con chung đang sống chung với chị N.T.H.H, khi ly hôn anh B yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, tại phiên toà anh B yêu cầu trả lại tài sản cho cha mẹ anh B.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên toà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Về tố tụng: Toà án đã có vi phạm tố tụng như sau. Anh B đã uỷ quyền cho anh Đ.V.V tham gia tố tụng nhưng Toà án không mời anh Vinh tham gia hoà giải và giải quyết khiếu nại mà mời anh B là không đúng; Luật sư có đơn yêu cầu sao chụp hồ sơ mà Toà án không mời luật sư sao chụp hồ sơ.

Về nội dung: Yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn N.T.H.H. Do mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên chưa đủ căn cứ xin ly hôn. Trường hợp nếu Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H và anh B ly hôn thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh B được quyền trực tiếp nuôi con chung.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Giấy chứng minh nhân dân (Bản photo);
- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
- Giấy khai sinh (Bản sao);
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản photo);
- Trích lục thông tin thửa đất;
- Đơn xác nhận nơi cư trú;
- Đơn trình bày của anh V.T.B ngày 13/01/2022 (bản chính);
- Kết quả đánh giá thang đo lường DASS của bệnh viện tâm thần Đồng Tháp ngày 07/5/2021 (bản phô tô);
- Tờ trình về điều kiện nuôi con khi ly hôn của chị N.T.H.H (bản chính);
- Văn bản ý kiến của Võ Xuân Nghiêm (bản chính);
- Quyết định về việc chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức số 270/QĐ-SNN, ngày 16/06/2021 (bản sao);
- Danh sách chi lương viên chức tháng 10/2021 (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị N.T.H.H yêu cầu ly hôn với anh V.T.B do đó đây là tranh chấp ly hôn. Anh V.T.B là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ Xã ML, HCl, ĐT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị N.T.H.H về việc yêu cầu được ly hôn với anh V.T.B và yêu cầu nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là *“Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con”*.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Về hôn nhân, chị H và anh B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2011 nên hôn nhân giữa chị H và anh B là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn quan tâm nhau, đến năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, sau khi ly thân vợ chồng cũng không có hàn gắn tình cảm lại với nhau. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh B là có căn cứ, bởi lẽ: Tại phiên tòa, anh B thừa nhận trong quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn hai vợ chồng hiện nay đã sống ly thân. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải và phiên tòa anh B cho rằng hiện nay tình cảm vợ chồng còn hàn gắn được nên anh B không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H nhưng chưa đưa ra được biện pháp hợp lý nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và chị H cũng không đồng ý hàn gắn tình cảm với anh B và cương quyết muốn ly hôn với anh B. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh B là phù hợp theo quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Xuân Nghiêm, sinh ngày 07/6/2012. Hiện tại con chung đang sống chung với chị N.T.H.H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là có cơ sở vì Võ Xuân Nghiêm là con chung giữa chị H và anh B có nguyện vọng được sống chung với chị H, đồng thời hiện tại chị H đang có việc làm và có thu nhập ổn định. Việc anh B yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là chưa có cơ sở bởi vì tại phiên tòa anh B trình bày hiện tại anh B chưa có việc làm đang làm việc cho cha mẹ anh B và hiện tại anh B có tiền sử bị bệnh trầm cảm chưa hồi phục hoàn toàn nên việc trực tiếp nuôi con là chưa có cơ sở. Do đó giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc là có cơ sở. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không có yêu cầu.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 20/5/2021 của chị N.T.H.H và tại phiên tòa chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng để vợ chồng tự thỏa thuận, xét yêu cầu của chị H là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn. Tại phiên tòa anh B trình bày tài sản của vợ

chồng trả lại cho cha mẹ anh B. Trường hợp các bên có tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn thì sẽ giải quyết B vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Không có nên tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Xét trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có cơ sở bởi lẽ, chị H có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện vào ngày 20/5/2021 là không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng do đó việc uỷ quyền giữa anh B và anh Vinh là không phù hợp theo quy định pháp luật. Đồng thời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh B đã được sao chụp hồ sơ nên trình bày của luật sư Đ.V.V là không có cơ sở.

Về nội dung: luật sư Đ.V.V yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn N.T.H.H là không có cơ sở như đã phân tích ở trên nên không được chấp nhận.

[7] Án phí: Chị N.T.H.H chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.T.H.H.

1. Về hôn nhân: Chị N.T.H.H được ly hôn với anh V.T.B.

2. Về con chung: chị N.T.H.H được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Võ Xuân Nghiêm, sinh ngày 07/6/2012. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không có yêu cầu.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu của chị N.T.H.H về vấn đề chia tài sản chung của vợ chồng.

4. Về án phí: chị N.T.H.H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012444 ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trả lại cho chị N.T.H.H số tiền 5.700.000 đồng nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012445 ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND HCL;
- Chi cục THA HCL;
- UBND xã Mỹ Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Chí Tâm